

# CÁCH THỨC XÂY DỰNG VÀ SỬ DỤNG TÌNH HUỐNG ĐIỂN HÌNH TRONG GIẢNG DẠY HỌC PHẦN LUẬT HÌNH SỰ

**DƯƠNG THỊ HỒNG THUẬN\***

Ngày nhận bài: 04/08/2021

Ngày phản biện: 12/08/2021

Ngày đăng bài: 30/09/2021

## **Tóm tắt:**

Sử dụng tình huống điển hình trong giảng dạy học phần Luật Hình sự Việt Nam là hình thức dạy học có tính thực tiễn cao, giúp sinh viên tăng cường tính chủ động, sáng tạo, năng lực tự học và vận dụng tri thức vào công việc thực tiễn. Bài viết này, tác giả giới thiệu và phân tích một số phương pháp cần áp dụng trong giảng dạy về Luật Hình sự Việt Nam, qua đó đề xuất quy trình xây dựng và cách thức sử dụng tình huống điển hình góp phần nâng cao chất lượng đào tạo ngành Luật.

## **Từ khóa:**

Xây dựng tình huống điển hình, sử dụng tình huống điển hình, phương pháp giảng dạy, học phần Luật Hình sự.

## **Abstract:**

Using typical cases in teaching Vietnamese Criminal Law module is a highly practical form of teaching. This will be able to help students enhance their initiative, creativity, self-study capacity and ability to apply theoretical knowledge into practical working situations. In this article, the author introduces and analyzes a some methods that need to be applied in teaching Vietnamese Criminal Law, thereby proposing the constructing process and how to use typical cases to contribute to improving the quality of law training.

## **Keywords:**

Constructing typical cases, using typical cases, teaching methods, Criminal Law module.

## **1. Đặt vấn đề**

Luật Hình sự Việt Nam 1 và Luật Hình sự Việt Nam 2 là hai học phần được thiết kế trên cơ sở phân tích làm rõ các quy phạm pháp luật hình sự kết hợp vận dụng vào giải quyết các vụ việc thực tế; là học phần bắt buộc trong chương trình đào tạo cử nhân luật của hầu hết các cơ sở đào tạo luật ở Việt Nam hiện nay. Học phần này xác định đối tượng để giảng dạy đối với sinh viên là những vấn đề liên quan đến tội phạm và hình phạt. Theo đó, học phần Luật Hình sự Việt Nam 1 đề cập đến những vấn đề chung liên quan đến tội phạm và hình phạt như các nguyên tắc, khái niệm, đặc điểm, phân loại về tội phạm, các giai đoạn thực hiện tội phạm,

\* ThS., Trường Đại học Quảng Bình; Email: dththuan.law@gmail.com

các căn cứ hợp pháp của hành vi gây thiệt hại, khái niệm và mục đích của hình phạt, hệ thống các loại hình phạt... Học phần Luật Hình sự Việt Nam 2 đề cập đến các tội phạm cụ thể cũng như các hình phạt tương xứng với hành vi phạm tội đó. Để xác định được là có hay không có tội phạm xảy ra, xác định là tội phạm gì và hình phạt áp dụng như thế nào, đòi hỏi sinh viên phải nắm vững các quy định của pháp luật hình sự. Mặt khác, sinh viên phải có kỹ năng để phân tích, lập luận, đánh giá và áp dụng quy định của pháp luật hình sự đối với các vụ án cụ thể. Đây là quá trình đi tìm sự phù hợp giữa các tình tiết, dấu hiệu từ những vụ án trên thực tế với các quy phạm pháp luật hình sự. Vì thế, để giải quyết các vấn đề mang tính thực tiễn cần phải dựa trên cơ sở lý luận, cơ sở pháp lý và để làm sáng tỏ vấn đề, chứng minh cho lý luận, quy phạm đó là đúng, là phù hợp thì phải vận dụng vào giải quyết các tình huống thực tiễn.

Như vậy, phương pháp giảng dạy học phần này cần có sự kết hợp linh hoạt giữa các phương pháp giảng dạy khác nhau. Trong đó, việc học tập thông qua các tình huống được đánh giá là một phương pháp giảng dạy và học tập hiệu quả trong đào tạo ngành Luật. Sinh viên cần liên hệ thực tiễn trong quá trình học tập để vận dụng giải quyết các vụ án hình sự cụ thể cũng như rèn luyện kỹ năng làm việc ngay khi còn ngồi trên ghế nhà trường. Chính vì lẽ đó, việc xây dựng và sử dụng tình huống điển hình trong giảng dạy học phần Luật Hình sự Việt Nam là vô cùng quan trọng và thực sự cần thiết để góp phần nâng cao chất lượng đào tạo ngành Luật nói chung và giảng dạy học phần Luật Hình sự Việt Nam nói riêng.

*Trong bài viết này, tình huống điển hình được hiểu là những tình huống được xây dựng dựa trên bản án, vụ việc thực tế và hình thành những vấn đề cần giải quyết phù hợp với nội dung bài học để khi nghiên cứu tình huống đó người học sẽ có cái nhìn cơ bản nhất về nội dung được giảng dạy trên lớp, làm nền tảng để nghiên cứu những vấn đề pháp lý nâng cao.*

## **2. Một số phương pháp cần áp dụng trong giảng dạy học phần Luật Hình sự Việt Nam 1, 2**

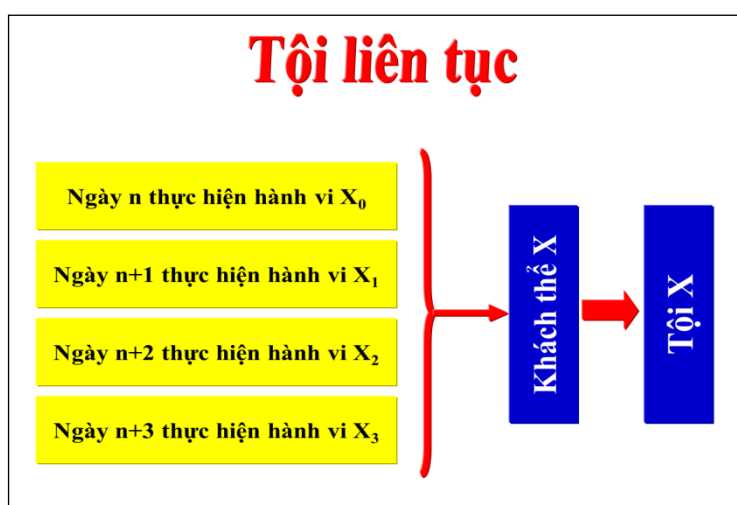
Khi giảng dạy học phần Luật Hình sự Việt Nam, nên áp dụng linh hoạt nhiều phương pháp khác nhau phù hợp với mỗi bài học, tiết học. Trong đó, chú trọng đến các phương pháp: thuyết trình tích cực, làm việc nhóm, nghiên cứu tình huống điển hình phù hợp, hỏi đáp Socrates, đóng vai và phiên tòa giả định.

### ***2.1. Phương pháp thuyết trình tích cực***

Thuyết trình là phương pháp giảng dạy truyền thống, cơ bản và quan trọng được sử dụng để chủ động truyền đạt một khối lượng kiến thức trong một khoảng thời gian nhất định cho một số lượng người nghe. Tuy nhiên, phương pháp truyền đạt một chiều này dễ dẫn đến sự thụ động của sinh viên trong quá trình học tập. Vì vậy, để thực hiện phương pháp thuyết trình thành công, giúp sinh viên tiếp thu được khối lượng kiến thức lớn trong một khoảng thời gian ngắn và duy trì sự chú ý trong suốt quá trình nghe thuyết trình thì cần thuyết trình bằng nhiều cách thức khác nhau. Hiện nay, việc cải tiến phương pháp thuyết trình đã được “thực

hiện bằng nhiều cách khác nhau như: cách mở đầu bài giảng, cách trình bày, giọng nói, ngôn ngữ cơ thể, cách kết nối, củng cố và kết thúc bài giảng... Đồng thời, giảng viên cũng sử dụng các phương tiện hỗ trợ cho việc thuyết trình như: bảng viết, tài liệu phân phát, máy chiếu (LCD projector), máy tính, video clip”<sup>1</sup>. Ví dụ, liên quan đến những nội dung trình bày, người học được xem những đoạn clip ngắn. Ngoài việc phục vụ cho giảng dạy, các phương tiện hỗ trợ này còn có tác dụng tránh sự nhàm chán, thu hút sự quan tâm của người học. Thực tế cho thấy, người học khá hứng thú trong việc theo dõi các video clip, kết quả là sau khi xem xong, người học ngay lập tức có sự liên hệ với bài học để trả lời các câu hỏi giảng viên đặt ra (gắn với nội dung video), đồng thời cũng có những câu hỏi mong muốn được giảng viên làm rõ hơn đối với kiến thức bài học mà nếu không được xem nội dung video thì sinh viên khó có thể hình dung được.

Đối với học phần Luật Hình sự Việt Nam 1, 2, một cách hiệu quả nữa để truyền đạt kiến thức là vừa thuyết trình vừa sơ đồ hóa nội dung trình bày thông qua dùng bảng viết hoặc máy tính và LCD Projector (sử dụng phần mềm Powerpoint). Các sơ đồ thường có nội dung là các khái niệm pháp lý được liên kết với nhau, các cách phân loại, các yếu tố cấu thành tội phạm, phân tích các hành vi phạm



tội, các dấu hiệu định tội được mô tả trong cấu thành tội phạm đặt trong sự tương quan với tình tiết định tội thể hiện trong những ví dụ minh họa/tình huống thực tế... Việc sử dụng sơ đồ để thể hiện nội dung thuyết trình sẽ tạo thuận lợi cho sinh viên trong việc ghi chép bài giảng, giúp cho sinh viên hiểu rõ và nắm vững các kiến thức cơ bản trong mối liên hệ của chúng cũng như liên hệ với tình huống/vụ án thực tế. Đồng thời, qua đó, sinh viên sẽ xây dựng được các thang bậc lập luận pháp lý chặt chẽ, vững chắc từ những hiểu biết mang tính hệ thống đó.

Ví dụ: Sơ đồ dưới đây được sử dụng để minh họa cho trường hợp phạm tội liên tục được đề cập trong nội dung bài giảng học phần Luật Hình sự Việt Nam 1 (Chương 6. Mặt khách quan của tội phạm).

Như vậy, để phương pháp thuyết giảng có hiệu quả, giảng viên nên trực quan hóa bài giảng bằng các phương tiện hiện đại để duy trì sự chú ý tối đa của sinh viên. Ngoài ra, cũng không nên sử dụng đơn thuần phương pháp thuyết giảng mà nên kết hợp với các phương pháp

<sup>1</sup> Trần Thị Ngọc Sương (2010), *Một số phương pháp giảng dạy học phần Công pháp quốc tế trong chương trình đào tạo ngành Quốc tế học tại Trường Đại học Ngoại ngữ, Đại học Đà Nẵng*, Tạp chí Khoa học và Công nghệ, Đại học Đà Nẵng, số 5, tr.190-198.

giảng dạy khác như hỏi đáp, làm việc nhóm, giảng dạy bằng tình huống, đóng vai và phiên tòa giả định.

## **2.2. Phương pháp làm việc nhóm**

Phương pháp này đòi hỏi sinh viên phải tăng cường khả năng tư duy độc lập và trao đổi lẫn nhau trong nhóm, giúp cho việc tiếp thu kiến thức chính xác và nhanh chóng hơn. Giảng viên đóng vai trò là người tổ chức hoạt động nhóm (chia nhóm, giao nhiệm vụ, theo dõi và đánh giá kết quả làm việc của các nhóm...). Có thể chia nhóm theo nhiều cách: các nhóm cùng làm một công việc như nhau, mỗi nhóm nhận một phần việc cụ thể trong tổng thể nhiệm vụ chung được đặt ra, mỗi nhóm phải cạnh tranh với nhau trên cơ sở trả lời câu hỏi,... và “các thành viên đều phải làm việc và đóng góp cho báo cáo chung của cả nhóm sẽ được trình bày với thời gian khoảng 10 phút và thảo luận xoay quanh chủ đề đó”<sup>2</sup>.

Giảng viên nên chia lớp học thành các nhóm đa dạng thành phần về giới tính, khả năng và trình độ để bổ sung, hỗ trợ cho nhau trong quá trình làm việc chung. Giảng viên cần có cách thức quản lý nhóm, lập thời gian biểu cụ thể cho việc hoàn thành công việc và có cách thức đánh giá rõ ràng, khách quan, công bằng.

Ví dụ: Phương pháp làm việc nhóm được áp dụng để giảng dạy nội dung “Các căn cứ hợp pháp của hành vi gây thiệt hại” (Chương 11 - học phần Luật Hình sự Việt Nam 1).

Cách thức tổ chức: Giảng viên chia lớp thành 4 nhóm (đối với lớp học có từ 20 - 30 sinh viên):

- Nhóm 1: Tìm hiểu khái niệm, điều kiện của phòng vệ chính đáng và vượt quá giới hạn phòng vệ chính đáng.
- Nhóm 2: Tìm hiểu khái niệm, điều kiện của tình thế cấp thiết và vượt quá yêu cầu của tình thế cấp thiết.
- Nhóm 3: So sánh phòng vệ chính đáng với tình thế cấp thiết.
- Nhóm 4: Theo dõi phần trình bày của 3 nhóm trên và đưa ra nhận xét, đánh giá.

## **2.3. Phương pháp nghiên cứu tình huống điển hình phù hợp**

Trong phương pháp này, thay vì chỉ giảng về lý luận và đưa ra ví dụ minh họa để yêu cầu sinh viên nắm bắt nội dung, giảng viên sẽ tái hiện hoặc xây dựng các tình huống điển hình phù hợp dựa trên bản án/vụ việc thực tế, có các vấn đề cần giải quyết phù hợp với nội dung tình huống kèm theo để yêu cầu sinh viên phân tích, đánh giá và đưa ra hướng giải quyết trên cơ sở vận dụng kiến thức và kinh nghiệm của mình. Vì vậy, phương pháp này có tác dụng tăng cường sự hiểu biết và khả năng áp dụng lý thuyết vào thực tế của sinh viên, nâng cao các kỹ năng xử lý và phân tích thông tin, các kỹ năng phân tích, đánh giá giải pháp cho vấn đề.

---

<sup>2</sup> Trần Thăng Long (2019), *Sử dụng phương pháp giảng dạy tích cực đối với các môn chuyên ngành Luật - kinh nghiệm áp dụng cho môn Luật Quốc tế*, Tạp chí Khoa học pháp lý Việt Nam, số 2 (123), tr.74-80.

Mặt khác, phương pháp này còn có tác dụng phát triển các kỹ năng giao tiếp, khuyến khích sự sáng tạo, đổi mới để tìm giải pháp cho vấn đề, tăng sự quan tâm, yêu thích của sinh viên đối với học phần.

Cách thức thực hiện:

Bước 1: Giảng viên phát tài liệu tình huống hoặc trình chiếu Powerpoint.

Bước 2: Giảng viên phân nhóm, yêu cầu sinh viên tìm hiểu tình huống để nắm bắt được chính xác vấn đề được nêu ra, quyết định của cơ quan xét xử và lý do của các quyết định đó hoặc trên cơ sở nội dung tình huống, giảng viên đưa ra các vấn đề yêu cầu sinh viên giải quyết (Hoạt động này có thể diễn ra tại lớp).

Bước 3: Sinh viên làm việc theo nhóm và nộp bài viết tóm tắt (Hoạt động này có thể diễn ra tại lớp).

Bước 4: Giảng viên tổ chức cho các nhóm trình bày kết quả giải quyết tình huống của nhóm, tổ chức thảo luận và tổng kết cho cả lớp (có thể diễn ra tại lớp hoặc vào buổi học tiếp theo).

#### **2.4. Phương pháp Socrates**

Phương pháp Socrates là việc sử dụng một loạt các câu hỏi đặc trưng, có nguyên tắc để bóc tách, truy tìm các tư tưởng ẩn chứa trong câu trả lời. Thông qua việc hỏi đáp liên hoàn, người được hỏi sẽ dần nhận ra các lỗ hổng trong lập luận của mình, từ đó hiểu sâu sắc hơn về bản chất vấn đề và tự rút ra bài học cho bản thân<sup>3</sup>. Phương pháp Socrates thường được sử dụng trong bài thi vấn đáp và bài giảng ở các trường Luật. Phương pháp này là cách thảo luận đặc trưng của việc giảng dạy các học phần pháp luật, khác với phương pháp thuyết giảng và giảng dạy theo nhóm vốn thích hợp với nhiều học phần. Ví dụ, sinh viên được yêu cầu diễn giải một lập luận do tòa án đưa ra đối với một vụ việc cụ thể để đảm bảo đã chuẩn bị bài trước và có kiến thức cơ bản về vụ việc đó. Sau đó, giảng viên hỏi sinh viên có đồng ý với lập luận đó của Tòa án không và đưa ra những lý lẽ để bác lại lập luận của sinh viên, buộc sinh viên phải kiên trì bảo vệ lập trường của mình.

Mục đích chính của phương pháp Socrates trong các học phần pháp luật, trong đó có Luật Hình sự Việt Nam là nhằm khai thác các tình huống khó của luật và cung cấp cho sinh viên kỹ năng tư duy cần thiết cho nghề nghiệp sau này. Giảng viên có thể thay đổi thực tế của vụ việc để sinh viên có thể đưa ra kết quả khác. Phương pháp này khuyến khích sinh viên vượt ra ngoài phạm vi của việc ghi nhớ các sự kiện của vụ việc và thay vào đó tập trung vào việc áp dụng các quy định pháp luật vào các vụ việc tương tự. Để làm được điều đó, sinh viên buộc phải có trách nhiệm với việc học của mình, phải chuẩn bị kỹ lưỡng cho buổi học và học tập một cách chủ động, tích cực. Đây là một phương pháp thực sự hữu ích cho việc giảng dạy

---

<sup>3</sup> Xem thêm: <https://zim.vn/phuong-phap-socratic-va-ung-dung-trong-viec-phat-trien-tu-duy-phan-bien/>, truy cập ngày 10/7/2021.

các học phần pháp luật. Giảng viên có thể sử dụng thiết bị trình chiếu để có thể dễ dàng theo dõi quá trình hỏi đáp, vận dụng linh hoạt và kết hợp áp dụng thêm phương pháp này trong một số tiết học đối với học phần Luật Hình sự Việt Nam.

Ví dụ, vận dụng phương pháp Socrates khi giảng dạy nội dung “Các tội xâm phạm sức khỏe của con người” (thuộc Chương 2- học phần Luật Hình sự Việt Nam 2) để yêu cầu sinh viên trình bày quan điểm về quyết định của Tòa án trong tình huống sau đây: *Tình và Trí là anh em họ, cả hai chơi bài tại nhà Tình. Trí xin Tình thuốc lá nhưng Tình không cho nên hai bên xảy ra cãi cọ rồi xô xát. Ám ức, Trí về nhà lấy hai con dao quay lại nhà Tình. Thấy Tình đang đứng trước sân, Trí ném con dao về phía Tình nhưng không trúng. Tình bỏ chạy vào nhà, Trí tiếp tục cầm con dao còn lại đuổi theo Tình, đến trước cửa buồng ngủ nhà Tình thì đuổi kịp. Trí giơ dao tấn công thì Tình dùng ghế nhựa chống trả làm văng dao. Mặc dù được nhiều người can ngăn nhưng Trí vẫn xông vào đè Tình xuống đất. Khi đang vật lộn, Trí ngồi lên bụng Tình, mặt đối mặt không chế và tiếp tục đánh Tình. Tình chống trả bằng cách dùng tay ôm cổ Trí kéo xuống rồi cắn vào môi của Trí. Kết quả, Trí bị vết sẹo sứt môi dưới phải, gây ảnh hưởng thẩm mỹ, sức khỏe của Trí bị giảm do thương tích gây nên là 15%. Tòa án nhân dân huyện T xử phạt Tình chín tháng cải tạo không giam giữ về tội cố ý gây thương tích quy định tại khoản 1 Điều 134 BLHS 2015.*

Cách thức thực hiện:

Bước 1: Giảng viên yêu cầu một sinh viên diễn giải lại tình huống và quyết định của Tòa án.

Bước 2: Giảng viên hỏi sinh viên có đồng ý với quyết định đó của Tòa án không.

Bước 3: Giảng viên căn cứ câu trả lời của sinh viên để đưa ra các lý lẽ phản bác lại ý kiến của sinh viên, buộc sinh viên phải đưa ra các lý lẽ để bảo vệ cho quan điểm của mình hoặc qua đó sinh viên nhận thấy kỹ năng tư duy pháp lý, kỹ năng lập luận của mình còn hạn chế để tiếp tục trau dồi. Ví dụ, trong một buổi thảo luận tại lớp đã diễn ra cuộc hỏi đáp giữa giảng viên và sinh viên liên quan đến tình huống trên như sau:

*Giảng viên:* Có đồng ý với quyết định của Tòa án nhân dân huyện T xử phạt Tình về tội Cố ý gây thương tích không? Tại sao?

*Sinh viên:* Đồng ý. Bởi vì, Tình đã cố ý kéo cổ Trí xuống rồi cắn vào môi của Trí, kết quả Trí bị sứt môi dưới phải, sức khỏe của Trí bị giảm do thương tích gây nên là 15%, thỏa mãn tỷ lệ tổn thương cơ thể quy định tại khoản 1, Điều 134 BLHS 2015- Tội cố ý gây thương tích.

*Giảng viên:* Có phải cứ cố ý gây thương tích và thỏa mãn tỷ lệ tổn thương cơ thể nêu tại Điều 134 BLHS 2015 thì đều cấu thành tội cố ý gây thương tích không?

*Sinh viên:* Có thể không bị coi là tội phạm nếu thuộc vào một trong những trường hợp loại trừ trách nhiệm hình sự như phòng vệ chính đáng, tình thế cấp thiết, gây thiệt hại trong khi bắt giữ người phạm tội...

*Giảng viên:* Việc Trí dùng dao rượt đuổi Tình, liên tục tấn công Tình như đê Tình xuống đất, ngồi lên bụng Tình để không chế và tiếp tục đánh Tình thì liệu Tình có đang ở trong tình trạng không lối thoát không?

*Sinh viên:* Vậy thì có thể Tình đang ở trong tình trạng không lối thoát.

*Giảng viên:* Nếu Tình đang ở trong tình trạng không lối thoát thì hành vi của Trí có nguy hiểm và đe dọa xâm phạm đến tính mạng, sức khỏe của Tình không?

*Sinh viên:* Hành vi của Trí là nguy hiểm và đe dọa xâm phạm đến tính mạng, sức khỏe của Tình.

*Giảng viên:* Vậy, hành vi chống trả lại một cách cần thiết người đang có hành vi xâm phạm lợi ích chính đáng của mình để bảo vệ mình có được pháp luật cho phép không?

*Sinh viên:* Nếu việc chống trả lại của Tình là cần thiết để bảo vệ tính mạng, sức khỏe của Tình thì được pháp luật cho phép và được coi là không phạm tội.

(tiếp tục quá trình hỏi và trả lời)

Lặp lại quá trình này đủ lâu, sinh viên sẽ nhận ra rằng hiểu biết ban đầu của mình còn nhiều hạn chế và trở nên sâu sắc hơn rất nhiều sau quá trình đối thoại vận dụng phương pháp Socrates.

## **2.5. Phương pháp đóng vai và phiên tòa giả định**

Phương pháp đóng vai và phiên tòa giả định là những phương pháp dạy học tích cực và có hiệu quả cao. Phương pháp này hướng đến “ba mục tiêu giáo dục: khả năng nhận thức (phân tích), các kỹ năng thực hành (chuẩn bị cho việc xét xử, hỏi đáp chứng cứ, trình bày các sự kiện và lập luận pháp lý, kỹ năng đàm phán, biện hộ trước cơ quan xét xử) và đặc tính cảm xúc trong việc tư vấn hay tranh tụng”<sup>4</sup>.

Nếu như trong phương pháp giảng dạy bằng tình huống điển hình phù hợp đã trình bày ở trên, sinh viên giữ vai trò là bên thứ ba đứng ngoài sự việc để phân tích đánh giá thì ở hai phương pháp đóng vai và phiên tòa giả định, sinh viên phải đặt mình vào vị trí một bên liên quan (bên bị cáo, bên bị hại, bên cơ quan tiến hành tố tụng) trong một vụ việc cho trước. Thông qua việc đóng vai những nhân vật có thật hoặc giả định để giải quyết các tình huống “có vấn đề”, sinh viên sẽ được rèn luyện kỹ năng giao tiếp và cách ứng phó, xử lý các tình huống có thể gặp trong tương lai. Mặc dù để đạt được mục đích này phải tốn nhiều thời gian và công sức, song đây là biện pháp rất tốt để cung cấp cho sinh viên kinh nghiệm thực tiễn trong quá trình học tập, giúp sinh viên hình dung rõ hơn việc áp dụng các kiến thức vào công việc thực tế sau này. Bởi vậy, việc áp dụng mô hình “phiên tòa giả định đang dần trở nên phổ biến, thu hút sự quan tâm của nhiều sinh viên Luật”<sup>5</sup>.

<sup>4</sup> Trần Thị Ngọc Suong (2010), *ltdđ*, tr.190-198.

<sup>5</sup> Trần Việt Dũng, Nguyễn Chí Hằng Hải (2014) *Áp dụng mô hình phiên tòa giả định trong giảng dạy kiến thức và kỹ năng pháp lý cho sinh viên Luật*, Tạp chí Khoa học pháp lý Việt Nam, số 2 (81), tr.74-80.

Để thực hiện việc giảng dạy bằng phương pháp đóng vai, giảng viên cần chuẩn bị tình huống điển hình, phân vai, tổ chức việc đóng vai và tổng kết bài học cho sinh viên. Yêu cầu quan trọng để thực hiện tốt phương pháp này là tình huống phải sát với thực tiễn (sử dụng tình huống thật), khả năng diễn xuất, vận dụng kiến thức phù hợp với đối tượng sinh viên nhất định. Sẽ rất hiệu quả nếu sử dụng video để ghi lại toàn bộ quá trình “diễn án” vì sinh viên có thể xem lại cách trình bày lập luận, nhận rõ thái độ, cảm xúc của bản thân trong quá trình thực hiện tình huống, hiểu được những điểm mạnh, điểm yếu của bản thân cũng như của các bạn. Đồng thời, các nội dung được ghi lại trong video cũng sẽ tạo điều kiện cho giảng viên đưa ra nhận xét và tổng kết hoạt động một cách chi tiết, đầy đủ hơn.

Đối với việc thực hiện giảng dạy bằng phương pháp phiên tòa giả định, phương pháp này có thể sử dụng ở học phần Luật Hình sự Việt Nam 2 nhưng phải có sự kết hợp với một số kiến thức của học phần Luật Tố tụng Hình sự Việt Nam. Do đó, giảng viên có thể lựa chọn tình huống cung cấp cho sinh viên, phân vai (bị cáo, bị hại, luật sư, kiểm sát viên, thẩm phán, thư ký...) và cung cấp cho sinh viên một số kiến thức về tố tụng hình sự liên quan cần thiết cho việc thực hiện phiên tòa giả định (vì lúc này sinh viên chưa được học học phần Luật Tố tụng hình sự Việt Nam) hoặc yêu cầu sinh viên tự nghiên cứu, tìm hiểu để thực hiện phiên tòa giả định, qua đó giảng viên nhận xét, đánh giá về cả quá trình thực hiện phiên tòa giả định của sinh viên tại lớp, làm nền tảng cho sinh viên học tiếp học phần Luật Tố tụng hình sự Việt Nam ở học kỳ tiếp theo.

Ví dụ: Áp dụng phương pháp đóng vai và phiên tòa giả định để tổ chức phiên tòa về một vụ án phạm tội “giết người do vượt quá giới hạn phòng vệ chính đáng”.

Cách thức tổ chức:

Bước 1: Giảng viên giới thiệu về tình huống và chia lớp thành 5 nhóm: nhóm bị cáo, nhóm bị hại, nhóm luật sư, nhóm đại diện Viện kiểm sát (kiểm sát viên) và nhóm hội đồng xét xử (các thẩm phán của Tòa án và Hội thẩm nhân dân). Ở bước này giảng viên cũng cần làm rõ cho sinh viên về nhiệm vụ và quyền hạn của các bên trong quá trình tiến hành tố tụng, thẩm quyền xét xử,... hoặc để cho sinh viên tự nghiên cứu, tìm hiểu để thực hiện phiên tòa giả định như đã đề cập ở trên.

Bước 2: Phân phát tài liệu có liên quan cho các bên (Các nhóm có thể nghiên cứu tài liệu ở nhà).

Bước 3: Thực hiện vai diễn (có thể quay video hoặc diễn thực tế tại lớp).

Bước 4: Giảng viên nhận xét, đánh giá, tổng kết tại lớp.

Trên đây là một số phương pháp cần được áp dụng trong việc giảng dạy học phần Luật Hình sự Việt Nam 1, 2 trong chương trình đào tạo ngành Luật. Đối với học phần Luật Hình sự Việt Nam 1, giảng viên chủ yếu sử dụng các phương pháp thuyết giảng, giảng dạy theo nhóm và giảng dạy bằng tình huống điển hình phù hợp. Sau đó, ở học phần Luật Hình sự Việt Nam 2,



khi sinh viên đã đạt đến một trình độ cao hơn về kiến thức và kỹ năng phân tích, lập luận các vấn đề pháp lý, giảng viên nên áp dụng tất cả năm phương pháp đã nêu, đặc biệt là phương pháp hỏi đáp theo phong cách Socrates, đóng vai hay phiên tòa giả định (phương pháp này nên tiếp tục được sử dụng ở học phần Luật Tố tụng Hình sự Việt Nam để đạt hiệu quả cao hơn).

Các phương pháp giảng dạy nói trên ngoài áp dụng cho học phần Luật Hình sự cũng có thể vận dụng linh hoạt áp dụng giảng dạy đối với các học phần pháp luật khác.

### **3. Quy trình xây dựng tình huống điển hình**

Dựa trên những phương pháp giảng dạy cần áp dụng đối với học phần Luật Hình sự đề cập ở trên, đòi hỏi giảng viên phải tự xây dựng cho học phần mình đảm nhận bộ tình huống điển hình để chủ động, linh hoạt và sử dụng đúng với mục đích của chính giảng viên trong quá trình giảng dạy học phần đó. Các tình huống được xây dựng nhằm áp dụng các quy phạm pháp luật hình sự vào giải quyết một vấn đề nào đó và qua quá trình đó giúp sinh viên tiếp thu kiến thức một cách hiệu quả nhất và sát với thực tiễn nhất. Vì vậy, quy trình xây dựng tình huống điển hình của giảng viên có thể thực hiện theo 03 bước như sau:

*Bước 1: Chuẩn bị xây dựng tình huống, gồm:*

- Xác định chuẩn kiến thức, kỹ năng, thái độ để xây dựng tình huống.

- Lập kế hoạch cho việc xây dựng tình huống.

- Thu thập, lựa chọn thông tin từ các nguồn thông tin dữ liệu:

+ Đối với phương pháp đóng vai và phiên tòa giả định, tình huống vụ án được sử dụng nên lấy từ các bản án.

+ Đối với tình huống sử dụng trong các phương pháp giảng dạy khác, nguồn để xây dựng tình huống có thể từ bất kỳ các nguồn thông tin dữ liệu khác nhau như: bản án đã có hiệu lực pháp luật của Tòa án các cấp, kết luận điều tra (như quyết định khởi tố vụ án hoặc quyết định không khởi tố vụ án...), cáo trạng của Viện kiểm sát, từ các phương tiện thông tin đại chúng hoặc bất kỳ kênh thông tin nào mà giảng viên có thể khai thác được.

*Bước 2: Xây dựng tình huống, gồm:*

- Viết tình huống, gồm:

+ Viết phác thảo tình huống (còn gọi là viết nháp).

+ Viết chi tiết tình huống, gồm phần mô tả tình huống và hình thành vấn đề cần giải quyết (còn gọi là câu hỏi). Cụ thể là: Trên cơ sở nguồn thông tin dữ liệu đã được lựa chọn, mô tả các sự kiện, các tình tiết, chủ thể thực hiện hành vi phạm tội và các chủ thể có liên quan (thực hiện mã hóa hoặc thay đổi họ tên, các thông tin liên quan đến bí mật cá nhân, bí mật gia đình để bảo đảm không vi phạm quy định về bí mật cá nhân, bí mật gia đình theo hướng dẫn tại Nghị quyết số 03/2017/NQ-HĐTP ngày 17/02/2017 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao về việc công bố bản án, quyết định trên Cổng thông tin điện tử của Tòa án và

Công văn số 144/TANDTC-PC ngày 04 tháng 7 năm 2017 của Tòa án nhân dân tối cao về việc thi hành Nghị quyết số 03/2017/NQ-HĐTP); sau khi mô tả tình huống thì tiến hành viết câu hỏi giải quyết tình huống.

- Tự kiểm tra tình huống và chỉnh sửa để đảm bảo yêu cầu đặt ra.
- Làm đáp án cho tình huống (định hướng giải quyết).

*Bước 3: Hoàn thiện tình huống, gồm:*

- Sử dụng tình huống để giảng dạy thử nghiệm trên lớp cho sinh viên: sử dụng tình huống giảng dạy thử trong một số buổi học trên lớp như giờ thảo luận, làm bài tập, sử dụng để minh họa trong khi thuyết giảng; sử dụng trong giờ kiểm tra để kiểm chứng tình huống với đáp án đã xây dựng;

- Hỏi ý kiến giảng viên bộ môn;
- Sửa chữa để hoàn thiện tình huống.

Việc xây dựng tình huống luôn bắt đầu từ nội dung kiến thức cần truyền đạt tới sinh viên. Nội dung kiến thức này có thể là một khái niệm nào đó giảng viên muốn sinh viên nắm bắt được và phân biệt được với những khái niệm khác hay cũng có thể là một nguyên tắc pháp lý cùng với những quy định của pháp luật thực định giảng viên muốn sinh viên hiểu và áp dụng được vào thực tiễn. Dựa trên những kiến thức này, giảng viên xây dựng nên những vấn đề mà thông thường chính là những câu hỏi xuất phát từ bản thân kiến thức cần sinh viên tiếp thu. Việc giải quyết vấn đề này có thể đòi hỏi trước tiên phải giải quyết một số vấn đề nhỏ khác và nếu vậy những vấn đề nhỏ cũng phải được xác định. Trên cơ sở các vấn đề và tiểu vấn đề, giảng viên sẽ xây dựng các tình tiết sự kiện để hình thành một tình huống điển hình hoàn chỉnh. Nếu có những vụ án, vụ việc liên quan tới những nội dung kiến thức pháp luật mà giảng viên đang muốn sinh viên tìm hiểu thì giảng viên có thể lấy tình tiết của vụ án, vụ việc đó rồi điều chỉnh tình tiết sự kiện cho phù hợp với yêu cầu của mình.

Việc xây dựng được tình huống điển hình phù hợp là một công đoạn quan trọng trong quá trình giảng dạy luật. Bởi vậy, một tình huống điển hình đòi hỏi phải đáp ứng các yêu cầu sau: (1) Tình huống đó phải là một vụ việc thực tế; (2) Vụ việc phải điển hình và phải chuyển tải được nội dung của bài giảng hoặc vấn đề cần người học nắm được; (3) Vụ việc không quá phức tạp, đòi hỏi phải đọc, tìm kiếm tài liệu và sự chuẩn bị với thời gian quá dài; (4) Người học cần phải năng động, tích cực.

Ngoài ra, giảng viên có thể linh hoạt trong cách thiết kế tình huống để một tình huống có thể được sử dụng nhiều lần với những tình tiết thêm vào nhằm mở rộng phạm vi kiến thức pháp lý có liên quan để sinh viên tìm hiểu. Và dĩ nhiên, những kiến thức mở rộng thêm phải phù hợp với nội dung của bài học.

#### **4. Cách thức sử dụng và giải quyết vấn đề đặt ra trong tình huống điển hình**

Trước khi triển khai tình huống trên lớp, giảng viên có thể đưa nội dung lý thuyết, những vấn đề pháp lý liên quan đến giải quyết bài tập tình huống cho sinh viên nghiên cứu

hoặc chỉ đưa ra các đề mục nghiên cứu và giới thiệu các nguồn để sinh viên tự tìm và nghiên cứu tài liệu trước.

Cách thức tiến hành như sau:

*Bước 1:* Giảng viên giới thiệu tình huống. Tình huống có thể được thể hiện bằng một trong số các hình thức như: trình chiếu Powerpoint, in sẵn trên giấy phát cho từng sinh viên/nhóm hoặc do sinh viên được phân công đóng vai trước lớp thực hiện. Giảng viên cần mô tả kỹ tình huống, đặt ra câu hỏi định hướng về vấn đề cần giải quyết<sup>6</sup>.

*Bước 2:* Sinh viên nghiên cứu và giải quyết vấn đề đặt ra trong tình huống. Giảng viên phân chia lớp học thành các nhóm với số lượng mỗi nhóm từ 06 đến 10 sinh viên (tùy theo số lượng sinh viên lớp học). Sinh viên nghiên cứu cá nhân đối với bài tập tình huống bằng cách đọc kỹ tình huống để nắm bắt tình hình thực tế vụ việc đang diễn ra. Sau đó, các nhóm tiến hành thảo luận nhóm, nghiên cứu tình huống để đưa ra các tình tiết mấu chốt trong tình huống, mô tả được các vấn đề cần giải quyết và phân tích được nguyên nhân của vấn đề. Từ đó, các nhóm căn cứ vào các câu hỏi được đặt ra trong tình huống và cùng nhau thảo luận để tìm ra hướng giải quyết hợp lý nhất; khi thảo luận sinh viên cần đưa ra quan điểm của mình về tình huống dựa trên cơ sở lý luận từ những quy định của pháp luật gắn liền với những tình tiết, dấu hiệu liên quan thể hiện trong tình huống.

Ở phần này, giảng viên phải ấn định thời gian mà sinh viên phải hoàn thành việc giải quyết các vấn đề trong tình huống. Thời gian này tùy vào từng tình huống với tính chất mức độ phức tạp khác nhau để giảng viên quy định thời gian giải quyết phù hợp. Việc ấn định thời gian giải quyết vấn đề này, giúp sinh viên chủ động và tập trung tư duy giải quyết tình huống.

Khi xây dựng tình huống, việc định hướng giải quyết vấn đề được giảng viên nêu lên một cách cụ thể, rõ ràng, tuy nhiên, trong thực tiễn giảng dạy, định hướng giải quyết vấn đề được giảng viên kết luận sau khi sinh viên đưa ra hướng giải quyết của mình đối với tình huống. Đối với sinh viên, đây là bước rất quan trọng, quyết định kết quả giải quyết các vấn đề của tình huống có chính xác, phù hợp hay không. Kết quả này phụ thuộc vào kiến thức và kỹ năng áp dụng quy phạm pháp luật hình sự của sinh viên. Sinh viên phải chỉ ra được căn cứ pháp lý dùng để giải quyết tình huống. Căn cứ pháp lý là cơ sở để chứng minh sự nghiên cứu một cách nghiêm túc, khoa học và logic đúng pháp luật. Mỗi tình tiết, dấu hiệu có trong vụ án mà người học chọn làm mấu chốt để giải quyết tình huống luôn thể hiện sự phù hợp để khẳng định vấn đề hoặc không phù hợp để phủ định vấn đề đã được gợi mở trong các câu hỏi liên quan đến tình huống. Trên cơ sở căn cứ pháp lý, sinh viên phải tư duy và lập luận theo hướng phù hợp và chính xác nhất.

*Bước 3:* Sinh viên các nhóm báo cáo kết quả thảo luận. Kết quả thảo luận nhóm được viết trên giấy hoặc trình chiếu Powerpoint. Đại diện các nhóm sẽ trình bày kết quả nội dung

---

<sup>6</sup> Xem thêm: Nguyễn Thị Minh Phương, Phạm Thị Thúy (tái bản 2020), *Cẩm nang phương pháp sư phạm*, Nxb Tổng hợp TP. Hồ Chí Minh, tr.192.

của nhóm thảo luận. Giảng viên và các nhóm còn lại lắng nghe quan điểm, lập luận và kết quả của nhóm báo cáo. Sau đó, các thành viên khác trong nhóm có thể bổ sung thêm và các nhóm khác có thể đặt câu hỏi trao đổi với nhóm báo cáo hoặc đưa ra quan điểm phản bác, tranh luận với nhóm báo cáo để làm rõ hơn các nội dung và tạo được sự liên kết giữa các nhóm cũng như tăng sự hứng thú cho sinh viên.

*Bước 4:* Giảng viên kết luận, đánh giá đối với cách tiếp cận và giải quyết vấn đề trong tình huống của sinh viên. Giảng viên phải đưa ra sự đánh giá, nhận xét đối với bài làm hoặc cách trình bày, lập luận của sinh viên; phải nêu ra những kết quả mà sinh viên đã đạt được và chưa đạt được khi giải quyết tình huống. Giảng viên công bố đáp án đối với các câu hỏi đã nêu trong tình huống cụ thể, cũng như đưa ra hướng hoàn thiện về kiến thức và kỹ năng của sinh viên đối với việc giải quyết vấn đề của tình huống.

Bên cạnh triển khai tình huống trên lớp với cách thức tiến hành như trên, giảng viên cũng có thể giao bài tập tình huống để sinh viên chuẩn bị ở nhà và trình bày trên lớp hoặc phân vai để sinh viên thực hiện theo phương pháp đóng vai và phiên tòa giả định.

Như vậy, trình bày một tình huống cần phải thực hiện theo một trình tự nhất định làm nền tảng ban đầu để sinh viên sau khi ra trường có thể áp dụng vào thực tiễn giải quyết các vụ án hình sự, đồng thời giúp sinh viên đạt được các kỹ năng cơ bản, đó là: kỹ năng tư duy pháp lý, kỹ năng tra cứu văn bản và kỹ năng lập luận.

### 5. Kết luận

Việc xây dựng và sử dụng tình huống trong giảng dạy không phải là vấn đề mới ở Việt Nam, nhưng cách thức xây dựng và sử dụng tình huống đó như thế nào là vấn đề đã, đang và tiếp tục cần được các nhà khoa học trao đổi, nghiên cứu để tìm ra phương án phù hợp và hiệu quả nhất, góp phần nâng cao chất lượng đào tạo luật ở Việt Nam hiện nay. Với kinh nghiệm giảng dạy học phần Luật Hình sự thông qua việc kết hợp sử dụng linh hoạt các tình huống điển hình trong quá trình giảng dạy cùng với việc tham khảo ý kiến của một số nhà khoa học, chúng tôi cho rằng cần chú trọng đến việc đào tạo các kỹ năng thực hành dựa trên tình huống thực tế song song với việc dạy kiến thức luật thực định, giúp người học có cảm giác “trải nghiệm” nghề nghiệp ngay tại nhà trường và có khả năng thích ứng với công việc ngay khi bắt đầu làm việc.

### DANH MỤC TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao (2017), *Nghị quyết số 03/2017/NQ-HĐTP ngày 17/02/2017 về việc công bố bản án, quyết định trên Cổng thông tin điện tử của Tòa án.*
2. Nguyễn Thị Thanh Mai (2011), *Xây dựng và sử dụng tình huống trong dạy học pháp luật ở trường trung học phổ thông*, Luận án tiến sĩ Giáo dục học, Viện Khoa học giáo dục Việt Nam.

3. Nguyễn Thị Minh Phương, Phạm Thị Thúy (tái bản 2020), *Cẩm nang phương pháp sư phạm*, Nxb Tổng hợp TP. Hồ Chí Minh.
4. Trần Việt Dũng, Nguyễn Chí Hằng Hải (2014) *Áp dụng mô hình phiên tòa giả định trong giảng dạy kiến thức và kỹ năng pháp lý cho sinh viên luật*, Tạp chí Khoa học pháp lý Việt Nam, số 2 (81).
5. Trần Thăng Long (2019), *Sử dụng phương pháp giảng dạy tích cực đối với các môn chuyên ngành Luật - kinh nghiệm áp dụng cho môn Luật Quốc tế*, Tạp chí Khoa học pháp lý Việt Nam, số 2 (123).
6. Trần Thị Ngọc Sương (2010), *Một số phương pháp giảng dạy học phần Công pháp quốc tế trong chương trình đào tạo ngành Quốc tế học tại Trường Đại học Ngoại ngữ, Đại học Đà Nẵng*, Tạp chí Khoa học và Công nghệ, Đại học Đà Nẵng, số 5.
7. Tòa án nhân dân tối cao (2017), *Công văn số 144/TANDTC-PC ngày 04/7/2017 về việc thi hành Nghị quyết số 03/2017/NQ-HĐTP*.
8. <https://zim.vn/phuong-phap-socratic-va-ung-dung-trong-viec-phat-trien-tu-duy-phan-bien/>, truy cập ngày 10/7/2021.